TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 19/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lềnh Khâm Vĩ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 57/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q, địa chỉ: tầng A, 2 Tòa nhà S, số A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lý Khánh D sinh năm 1999, bà Nguyễn Thị Phương T sinh năm 1999, bà Nguyễn Thị Thanh V sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: tầng F, Tòa nhà L, số G đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, ông D vắng mặt, bà T, bà V có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1963, thường trú: tổ D, khu phố F, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1964, thường trú: tổ D, khu phố F, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: thường trú: tổ D, khu phố F, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V1) đã ký với bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 6114808.23 ngày 08/7/2023 với nội dung: VIB cho bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C vay số tiền 3.850.000.000 đồng; mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh khu vui chơi thiếu nhi; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.5%/năm. Ngày 11/7/2023, V1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C với số tiền 3.850.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6114808(1).23 theo đúng yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C.

- VIB cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thúy P theo Giấy đề nghị phát hành thẻ ngày 11/7/2023, chi tiết như sau: số thẻ: 100002953091; hạn mức: 200.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB. Bà Nguyễn Thị Thúy P đã sử dụng hạn mức nêu trên để thanh toán tiêu dùng trong gia đình với số tiền 199.815.386 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 160, tờ bản đồ số: 21, địa chỉ: xã V, thị xã T (nay là phường V, thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 720760, số vào sổ cấp GCN: CH07752 do UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/7/2016, cập nhật chuyển nhượng ngày 14/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Thúy P, cập nhật thay đổi thông tin ngày 12/12/2018 và ngày 02/7/2019. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng số: 11861, quyển số: 12 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 08/12/2020 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Thúy P, ông

Nguyễn Minh C đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm ngày 27/02/2025, bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C1 chỉ trả được tiền lãi là 372.606.162 đồng. Mặc dù V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C vẫn chây ỳ, không trả nợ. Khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C đã chuyển sang quá hạn từ ngày 15/6/2024.

Do đó, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày xét xử 19/5/2025 là 4.786.507.978 đồng bao gồm:

Nợ gốc 4.049.815.386 đồng, nợ lãi trong hạn 70.344.249 đồng, nợ lãi quá hạn 644.742.648 đồng, phí 21.605.695 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Minh C không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB được quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 160, tờ bản đồ số: 21, địa chỉ: xã V, thị xã T (nay là phường V, thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 720760, số vào sổ cấp GCN: CH07752 do UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/7/2016, cập nhật chuyển nhượng ngày 14/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Thúy P, cập nhật thay đổi thông tin ngày 12/12/2018 và ngày 02/7/2019.

Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H không có văn bản trình bày ý kiến.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố

tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cư trú tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên toà cũng như quá trình tố tụng đã có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 6114808.23 ngày 08/7/2023 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 11/7/2023. Hợp đồng nêu trên giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 3.850.000.000 đồng cho bị đơn theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6114808(1).23 ngày 11/7/2023. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P cũng đã sử dụng

số tiền 199.915.386 đồng được cấp hạn mức tại thẻ tín dụng: 100002953091 để thanh toán cho nhu cầu tiêu dùng trong gia đình. Tại Hợp đồng cho vay; Khế ước nhận nợ; Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB quy định rõ về thời hạn vay, thời hạn thanh toán tiền gốc, lãi hàng tháng, lãi suất, phí cụ thể. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn được tiền lãi là 372.606.162 đồng, sau đó không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào mặc dù nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở. Từ ngày 15/6/2024 khi bị đơn không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn, nguyên đơn đã chuyển khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã thanh toán nợ gốc, lãi cho nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tính đến ngày xét xử 19/5/2025 là 4.786.507.978 đồng và yêu cầu tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng tính từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Xét, Hợp đồng thế chấp số công chứng số: 11861, quyển số: 12 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 08/12/2020 có nội dung:

[3.1] *Nghĩa vụ được bảo đảm:* Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên B, hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh, riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ người nào khác, cho Bên A bao gồm nhưng không giới hạn bởi khoản nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt và các khoản phải trả khác theo Hợp đồng tín dụng số: 326626220 ký ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng tín dụng số: 382995920 ký ngày 27 tháng 11 năm 2020 bao gồm cả các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng thỏa thuận cấp tín dụng khác ký giữa Bên A và Bên B trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2020 đến ngày 27/11/2025.

[3.2] *Tài sản thế chấp:* Quyền sử dụng đất thửa đất số: 160 tờ bản đồ số: 21 địa chỉ thửa đất: xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, diện tích: 595.7 m², mục đích sử dụng: ONT: 400 m²; CLN: 195,7 m². Tài sản thế chấp theo Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ Tài sản thế chấp, tài sản hay tiền đền bù, bồi thường của cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba bất kì và toàn bộ các quyền, quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm ký giữa Bên B và công ty B bất kì được Bên A chấp thuận. Bất kỳ sự thay đổi (bao gồm cả việc xây dựng mới tạo lập thêm tài sản khác gắn liền trên thửa đất), sửa chữa, nâng cấp nào của bên B đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của Tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không tách rời thuộc tài sản thế chấp theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 720760, số vào sổ cấp GCN: CH07752 do UBND thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/07/2016, cập nhật chuyển nhượng ngày 14/12/2016, cập nhật biến động ngày 12/12/2018 và ngày 02/07/2019.

[4] Khoản 1 Điều 317 Bộ luật Dân sự quy định "Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp)". Như vậy, Ngân hàng TMCP Q nhận thế chấp thửa đất nêu trên trên cơ sở Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Minh C (chồng của bà P). Căn cứ khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 "Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận". Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật từ thời điểm ký kết theo khoản 1 Điều 319 Bộ luật Dân sự.

[5] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có nội dung ông C, bà P cam kết bảo đảm các khoản vay nợ bằng các tài sản của ông C, bà P cụ thể là quyền sử dụng thửa đất và các tài sản gắn liền với thửa đất số 160 tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã (nay là phường) V, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương và đồng ý khi ông C, bà P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền xử lý tài sản này bao gồm tài sản hình thành hoặc phát sinh trên đất, tiền, tài sản hình thành và phát sinh từ quyền sử dụng đất. Như vậy, Ngân hàng TMCP Q căn cứ vào thỏa thuận mà các bên đã ký kết và quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 6 Điều 320 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu ông C, bà P phải giao tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 160 tờ bản đồ số 21 tại phường V để xử lý thu hồi nợ khi ông C, bà P trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Thúy P là người cao tuổi và đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 133, Điều 219, Điều 220, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 325, Điều 459, Điều 466 và Điều 645 Bộ luật Dân sự;

Điều 4, Điều 5, Điều 166, Điều 167, Điều 170, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/3/2006;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V1) với bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền tính đến ngày 19/5/2025 là: 4.786.507.978 (bốn tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu năm trăm linh bảy nghìn chín

trăm bảy mươi tám) đồng bao gồm: Nợ gốc 4.049.815.386 (bốn tỷ không trăm bốn mươi chín triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi sáu) đồng, nợ lãi trong hạn 70.344.249 (bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn 644.742.648 (sáu trăm bốn mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng, phí 21.605.695 (hai mươi mốt triệu sáu trăm linh năm nghìn sáu trăm chín mươi lăm) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P phải tiếp tục trả lãi quá hạn, lãi chậm trả và phí theo hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng TMCP Q (V1).

- Trường hợp ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Q (V1) thì Ngân hàng TMCP Q (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thanh toán toàn bộ khoản nợ là Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CD 720760, số vào sổ cấp GCN: CH07752 do UBND thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/07/2016, cập nhật chuyển nhượng ngày 14/12/2016, cập nhật biến động ngày 12/12/2018 và ngày 02/07/2019.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P phải chịu 2.000.000 đồng để trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V1).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Thúy P được miễn án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền 56.201.025 (năm mươi sáu triệu hai trăm linh một nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24/0004842 ngày 24/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần